TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-10-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Rê.
2. Ông Phạm Văn Ven.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn X - Sinh năm 1960 - Địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị G - Sinh năm 1965 - Địa chỉ: ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23-5-2022, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn X trình bày: ông X và bà Đỗ Thị G tổ chức lễ cưới năm 1986, có đăng ký kết hôn ngày 28-9-2005 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau, mất hạnh phúc gia đình. Bà G đi cất nhà ở riêng và sống ly thân với ông X từ tháng 02 năm 2021 đến nay.

Về hôn nhân: Ông X yêu cầu ly hôn với bà G.

Về con chung: không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: có tài sản chung nhưng ông và bà G tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ: Ông X và bà G có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ 50.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Đ 23.000.000 đồng nhưng ông X đã trả tiền xong cho 02 Ngân hàng và cả 02 Ngân hàng đều có đơn không khởi kiện nên ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

- Bà Đỗ Thị G khai thống nhất với lời khai của ông X về điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, không có con chung, nợ chung. Ngoài ra, nguyên nhân mâu thuẫn còn do ông X thường xuyên uống rượu và có hành vi ngược đãi bà G. Bà G cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được nhưng vì tài sản chưa thỏa thuận phân chia xong nên bà không đồng ý ly hôn, khi nào phân chia tài sản xong thì bà đồng ý ly hôn. Về con chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: ông X muốn ly hôn thì phải nộp đơn yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, bà không nộp đơn yêu cầu phân chia tài sản chung. Về nợ chung: có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ 50.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Đ 23.000.000 đồng nhưng ông X đã trả tiền xong cho 02 Ngân hàng và cả 02 Ngân hàng đều có đơn không khởi kiện nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: mâu thuẫn giữa ông X và bà G đã trầm trọng, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn X khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đỗ Thị G. Bà G cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Đ có đơn không khởi kiện. Ông X và bà G đều không yêu cầu giải quyết về nợ nên Tòa án không tiếp tục triệu tập Ngân hàng Nông nghiệp và phát

triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông X, đồng thời xét việc bà G không đồng ý ly hôn: ông X và bà G chung sống từ năm 1986, có đăng ký kết hôn ngày 28-9-2005 tại UBND xã M, huyện Đ, tỉnh L nên quan hệ hôn nhân giữa ông X và bà G là hôn nhân hợp pháp từ năm 1986 theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Ông X và bà G đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống, dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau, ông X thường xuyên uống rượu, gây cãi với bà G nên bà đã sống ly thân với ông X từ tháng 02 năm 2021 đến nay. Ông X vẫn yêu cầu ly hôn. Bà G cho rằng cuộc sống chung không thể kéo dài nhưng bà chưa đồng ý ly hôn vì chưa phân chia tài sản chung xong. Xét mâu thuẫn giữa ông X và bà G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông X có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: ông X, bà G không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung. Bà G đã được giải thích nếu có yêu cầu phân chia tài sản chung thì phải nộp đơn khởi kiện cụ thể nhưng bà G không nộp đơn yêu cầu phân chia tài sản chung mà cho rằng ông X muốn ly hôn thì ông X phải nộp đơn phân chia tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phân chia tài sản giữa ông X và bà G trong vụ án này. Nếu ông X và bà G có tranh chấp về tài sản thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ 50.000.000 đồng, nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Đ 23.000.000 đồng nhưng ông X đã trả tiền xong cho 02 Ngân hàng và cả 02 Ngân hàng đều có đơn không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ.

[7]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông X là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nhưng ông X là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên ông X được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X đối với bà Đỗ Thị G về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn X được ly hôn với bà Đỗ Thị G.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông X 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005253 ngày 22-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.